

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài
của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 447/STNMT-CCBVMT ngày 24/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 159/NSNT-KH ngày 22/3/2023 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 268/TTr-STNMT ngày 23/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Tài;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN CẤP NƯỚC SINH HOẠT XÃ CÁT TÀI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài.
- Địa điểm thực hiện: xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích dự án là 7.018 m². Trong đó:
 - + Xây dựng công trình thu nước thô với diện tích 1.818 m² (Bao gồm: 04 giếng và 04 Trạm bơm với công suất Q = 25 m³/h; H = 45 m).
 - + Xây dựng Nhà máy xử lý nước với diện tích 5.200 m².
 - + Ống truyền tải nước thô có đường kính DN100 - DN150; chiều dài tuyến 650 m.
 - + Mạng lưới đường ống phân phối bằng ống HDPE, chiều dài 60.640 m.
- Quy mô: xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho khoảng 2.809 hộ gia đình (khoảng 12.200 người) và các cơ sở sản xuất, khu thương mại, dịch vụ, du lịch, trạm y tế, trường học, công trình công cộng trên địa bàn xã Cát Tài.
- Công suất: 1.500 m³/ngày đêm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Nước từ giếng khoan (thông qua Trạm bơm cấp 1) → Tháp làm thoáng cưỡng bức → Bể phản ứng → Bể lắng → Bể lọc → Bể chứa → Trạm bơm cấp 2 → Mạng lưới tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình:

- Nhà máy xử lý nước sạch có diện tích 5.200 m² tại thôn Thái Phú, xã Cát Tài, huyện Phù Cát bao gồm: 02 Tháp làm thoáng cưỡng bức (thùng quạt gió); Cụm bể phản ứng lắng - Cụm bể lắng (Mương tiếp xúc, ngăn khuấy trộn, ngăn tạo bông, ngăn lắng tải trọng cao); Bể lọc; Bể chứa nước sạch; Trạm bơm nước sạch; Sân phơi bùn và Bể chứa nước rửa lọc.
- Tuyến thu nước thô: tuyến ống DN100-DN150 từ các trạm bơm giếng về Nhà máy xử lý nước, chiều dài tuyến 650 m.
- Trạm bơm giếng: 04 giếng khai thác nước ngầm và 04 trạm bơm giếng.
- Tuyến ống truyền tải và phân phối nước: tuyến ống HDPE, thép mạ kẽm

OD40-OD225, tổng chiều dài khoảng 60.640 m.

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà hóa chất, nhà quản lý điều hành, phòng thí nghiệm, san nền, đường giao thông, tường rào, cổng ngõ, nhà kho, đường dây 22KV và trạm biến áp, điện điều khiển và chiếu sáng, đường ống kỹ thuật - thoát nước, nhà để xe,...

1.4.2. Các hoạt động của dự án:

Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; phát quang dọn dẹp mặt bằng; vận chuyển nguyên vật liệu; thi công các hạng mục công trình, hoàn thiện và đi vào vận hành công trình.

1.4.3. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: không.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng (tại khu giếng khai thác nước, thi công tuyến ống cấp nước thô, thi công mạng lưới phân phối, thi công Cụm xử lý nước) phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

- Tác động không liên quan đến chất thải: ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân sống dọc theo tuyến đường vận chuyển, khu vực thi công tuyến đường ống phân phối nước.

- Hoạt động súc, xả cặn trên đường ống phân phối.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị phát sinh tại các khu vực xây dựng với lưu lượng trung bình khoảng 01 m³/ngày. Tính chất chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu chứa

đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động dự án:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải sản xuất của nhà máy hiện hữu bao gồm: nước thải rửa lọc $90\text{m}^3/\text{lần}$ (5 - 7 ngày/lần), nước thải súc rửa đường ống khoảng $100 - 200\text{m}^3/\text{lần}$ (2- 3 lần/năm), nước xả bể lắng $144\text{m}^3/\text{lần}$ (2 tuần/lần). Thành phần chủ yếu là bùn, cặn lơ lửng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , H_2S , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với tổng khối lượng khoảng $20\text{kg}/\text{ngày}$; Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 820m^3 . Thành phần chủ yếu là đất đào từ hoạt động thi công.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng, khối lượng khoảng $13,7\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ trái cây, các chất hữu cơ dễ phân hủy...

b) Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của người lao động tại Trạm xử lý, phát sinh khối lượng khoảng $5,4\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Chất thải rắn thông thường: Bao bì đựng vôi, phèn ước tính khoảng $10\text{kg}/\text{tháng}$; Hỗn hợp bùn (độ ẩm 95%) phát sinh từ rửa lọc, xả các bể lắng cao tải: $40,25\text{kg}/\text{ngày}$; Cát lọc thải bỏ: $1.400 - 2.800\text{kg}/\text{lần}/\text{năm}$.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại từ quá trình thi công dự án phát sinh với khối lượng khoảng $06\text{kg}/\text{năm}$. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải,...

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động của dự án phát sinh với lượng khoảng $36\text{kg}/\text{năm}$. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động vận chuyển vật liệu ảnh hưởng đến các khu dân cư hiện trạng dọc tuyến đường vận chuyển trong suốt quá trình thi công.

- Tiếng ồn phát sinh trong quá trình vận hành của trạm bơm, Nhà máy xử lý.

3.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất, hoạt động thi công ảnh hưởng đến giao thông khu vực,...

- Sự cố, rủi ro: sự cố về kỹ thuật, sự cố rò rỉ nước, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 500 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: thu gom, tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các mương thoát nước tạm thời, thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu xuống nguồn nước mặt.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: thu gom, thoát bằng mương thoát nước bố trí xung quanh Nhà máy.

- Nước thải sinh hoạt tại Nhà máy xử lý: thu gom, xử lý bằng bể tự hoại và chờ đầu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ quá trình rửa lọc được thu gom, tuần hoàn về bể lắng của Nhà máy xử lý để tái sử dụng; Nước thải từ quá trình súc rửa đường ống (không sử dụng hoá chất để súc rửa, tăng tốc độ dòng nước để thực hiện quá trình súc rửa đường ống), lắp đặt các van xả cặn trên các tuyến ống.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào ngày nắng.

- Đối với các phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho

phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy loại 120 lít, đặt tại khu vực xây dựng Nhà máy; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động dự án: Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy đặt trong khuôn viên nhà nhà; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

- + Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom và xử lý theo quy định.

- + Đất đào phát sinh từ hoạt động đào các công trình ngầm sẽ được tận dụng san gạt vào diện tích cây xanh trong Nhà máy.

- Giai đoạn hoạt động dự án: Bùn thải sau khi phơi để giảm độ ẩm tại sân phơi bùn, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng:

- + Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- + Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý (tối thiểu 06 tháng/lần) và lưu giữ chứng từ xử lý để gửi đơn vị chức năng theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Bố trí khu vực chứa CTNH để lưu chứa CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động của khu nhà máy xử lý nước.

+ Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý (tối thiểu 06 tháng/lần) và lưu giữ chứng từ xử lý để gửi đơn vị chức năng theo quy định.

Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị hư hỏng.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

b) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

c) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng nội quy về an toàn điện, an toàn cháy nổ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng đường ống phân phối nước; bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra, xả cặn trong đường ống phân phối nước đảm bảo chất lượng nước sạch đến nơi tiêu thụ.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống ống dẫn khí clo, các bình chứa khí clo, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật khi sử dụng clo trong xử lý nước.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý bảo dưỡng công trình theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công

- Giám sát an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ, an toàn lao động.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian thi công

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành:

- Giám sát chất thải rắn

- + Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại).

- + Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.

- + Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.